

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-ST
Ngày: 15-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hào.

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 7 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A.

Địa chỉ trụ sở: KCN MT, xã M, thành phố N, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH một thành viên A: Ông B - Giám đốc Công ty TNHH một thành viên A, là đại diện theo pháp luật. Địa chỉ số 309 ấp LP, xã M, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông C, sinh năm 1983. Địa chỉ ấp PS, xã M, huyện N, tỉnh Bến Tre, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền, ngày 21/6/2018). Địa chỉ liên hệ: KCN MT, xã M, thành phố N, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D.

Địa chỉ: Ấp S, xã N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp: Ông E – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty TNHH xây dựng D, là đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Ấp S, xã N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2018 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A và lời trình bày của ông C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Vào ngày 30/11/2014, Cty TNHH xây dựng D có ký hợp đồng số 286/HĐ.2014, ngày 30/11/2014 về việc mua sản phẩm ống cống thoát nước bê tông cốt thép đúc sẵn với Cty TNHH Một thành viên A, để thi công công trình dự án thoát nước thành phố P, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Cty TNHH xây dựng D thanh toán cho Cty TNHH Một thành viên A số tiền 1.700.091.400 đồng. Đến tháng 03 năm 2016 thì hai bên không còn mua bán các sản phẩm như trên nữa và Cty TNHH xây dựng D còn nợ Cty TNHH Một thành viên A số tiền 190.404.020 đồng, số tiền nợ này đã được ông E, Giám đốc Cty TNHH xây dựng D ký xác nhận công nợ, theo biên bản đối chiếu công nợ số 12A/12/ĐCCN-A, ngày 31/12/2017.

Việc Cty TNHH xây dựng D còn nợ Cty TNHH Một thành viên A, số tiền 190.404.020 đồng, từ đó cho đến nay nhưng không thanh toán, mặc dù Cty TNHH Một thành viên A đã nhiều lần cử nhân viên xuống yêu cầu Cty TNHH xây dựng D thanh toán số tiền trên nhưng Cty TNHH xây dựng D không có thiện chí trả nợ. Nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cty TNHH xây dựng D có nghĩa vụ trả Cty TNHH Một thành viên A, tổng số tiền 198.543.792 đồng (trong đó nợ tiền mua hàng là 190.404.020 đồng và 8.139.772 đồng tiền lãi phát sinh).

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi với số tiền 8.139.772 đồng, yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền mua hàng còn nợ là 190.404.020 đồng.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D do ông E - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty TNHH xây dựng D, là đại diện theo pháp luật. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Cty TNHH Một thành viên A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc

Cty TNHH xây dựng D trả số tiền 198.543.792 đồng đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán, Cty TNHH xây dựng D đang có trụ sở tại ấp S, xã N, thành phố P, tỉnh Trà Vinh. Theo quy định tại các Điều 30, 35 và Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D do ông E - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc Công ty TNHH xây dựng D, là đại diện theo pháp luật. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D.

[3] Nội dung yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Nguyên đơn Cty TNHH Một thành viên A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cty TNHH xây dựng D có nghĩa vụ trả Cty TNHH Một thành viên A tổng số tiền 198.543.792 đồng (trong đó nợ tiền mua hàng là 190.404.020 đồng và 8.139.772 đồng tiền lãi phát sinh). Nguyên đơn Cty TNHH Một thành viên A đã cung cấp cho Tòa án một bản đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2017, một hợp đồng mua bán số 286/HĐ.2014 ngày 30/11/2014 giữa Cty TNHH Một thành viên A với Cty TNHH xây dựng D.

[3.2] Căn cứ vào lời trình bày của ông C, là đại diện hợp pháp của Cty TNHH Một thành viên A và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định vào năm 2014, Cty TNHH Một thành viên A đã ký với Cty TNHH xây dựng D, hợp đồng mua bán sản phẩm ống công thoát nước bê tông cốt thép đúc sẵn. Đến tháng 3 năm 2016, Cty TNHH xây dựng D và Cty TNHH Một thành viên A không tiếp tục mua bán nữa và Cty TNHH xây dựng D còn nợ lại Cty TNHH Một thành viên A số tiền mua hàng là 190.404.020 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ số 12A/12/ĐCCN-A. Mặc khác, Cty TNHH Một thành viên A có cung cấp cho Tòa án, văn bản ngày 02/8/2018 của Cty TNHH xây dựng D, về việc cam kết sẽ thanh toán cho Cty TNHH Một thành viên A thành 02 đợt: đợt 1 ngày 15/8/2018 số tiền 100.000.000 đồng; đợt 2 ngày 15/9/2018 số tiền 90.404.020 đồng. Như vậy, nguyên đơn Cty TNHH Một thành viên A yêu cầu Cty TNHH xây dựng D, thanh toán tiền mua hàng còn nợ số tiền 190.404.020 đồng là có căn cứ.

[3.3] Về yêu cầu tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi do bị đơn chậm thanh toán, xét thấy đây là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của Cty TNHH Một thành viên A về yêu cầu tiền lãi; Nếu sau này Cty TNHH Một thành viên A khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Cty TNHH Một thành viên A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn Cty TNHH xây dựng D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A tổng số tiền 190.404.020 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D trả số tiền lãi, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D phải chịu 9.520.201 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.936.594 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018702, ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Bích Lộc